

Số: **3 0 4 2** /QĐ-BCT

Hà Nội, ngày 13 tháng 3 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Quy hoạch sản xuất cồn nhiên liệu phục vụ cho ngành sản xuất
nhiên liệu sinh học đến năm 2020, có xét đến năm 2030**

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Nghị định số 95/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về việc lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội và Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 177/2007/QĐ-TTg ngày 20 tháng 11 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt “Đề án phát triển nhiên liệu sinh học đến năm 2015, tầm nhìn đến năm 2025”;

Căn cứ Quyết định số 1180/QĐ-BCT ngày 15 tháng 3 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc phê duyệt đề cương và dự toán dự án “Quy hoạch sản xuất cồn nhiên liệu phục vụ cho ngành sản xuất nhiên liệu sinh học đến năm 2020, có xét đến năm 2025”;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch sản xuất cồn nhiên liệu phục vụ cho ngành sản xuất nhiên liệu sinh học đến năm 2020, có xét đến năm 2030 (dưới đây viết tắt là Quy hoạch) với những nội dung chủ yếu sau đây:

I. Quan điểm phát triển

1. Phát triển sản xuất cồn nhiên liệu là giải pháp quan trọng và cần thiết để thay thế một phần nhiên liệu truyền thống, đáp ứng cho nhu cầu trong nước, góp phần đảm bảo an ninh năng lượng và bảo vệ môi trường.

2. Phát triển sản xuất cồn nhiên liệu phải gắn liền với phát triển vùng nguyên liệu trên cơ sở phát huy tối đa lợi thế về điều kiện tự nhiên và thổ nhưỡng, đảm bảo lợi ích của người nông dân, không làm ảnh hưởng đến cơ cấu cây trồng, nguồn tài nguyên nước và an ninh lương thực.

3. Phát triển sản xuất cồn nhiên liệu trên cơ sở công nghệ hiện đại, linh

hoạt về nguyên liệu, đa dạng hóa sản phẩm, giảm thiểu ô nhiễm môi trường và phát triển bền vững.

II. Mục tiêu phát triển

1. Mục tiêu chung

a) Xây dựng và phát triển ngành công nghiệp sản xuất cồn nhiên liệu một cách ổn định và bền vững, sử dụng tối đa nguồn nguyên liệu trong nước để sản xuất ra sản phẩm chất lượng cao, đáp ứng đủ cho nhu cầu sử dụng nhiên liệu sinh học theo lộ trình. Phấn đấu hạ giá thành sản phẩm, nâng cao năng lực cạnh tranh, đạt hiệu quả kinh tế cao;

b) Hình thành và phát triển các vùng nguyên liệu phục vụ cho sản xuất cồn nhiên liệu tại các khu vực có lợi thế tự nhiên, gần các dự án sản xuất theo hướng ổn định lâu dài, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật để tăng năng suất và cải tạo đất trồng.

2. Mục tiêu cụ thể

Giai đoạn đến năm 2015: Sản xuất 250 triệu lít cồn nhiên liệu/năm từ nguyên liệu thế hệ 1.

Giai đoạn 2016-2020: Sản xuất 600 triệu lít cồn nhiên liệu/năm từ nguyên liệu thế hệ 1.

Giai đoạn 2021-2030: Sản xuất 750 triệu lít cồn nhiên liệu từ nguyên liệu thế hệ 1; Sản xuất 100 triệu lít cồn nhiên liệu từ nguyên liệu thế hệ 2.

III. Quy hoạch sản xuất cồn nhiên liệu

1. Phát triển nguồn nguyên liệu

a) Tập trung phát triển vùng nguyên liệu trồng sắn tại các khu vực có lợi thế tự nhiên, theo hướng thâm canh lâu dài hoặc luân canh thời vụ, xen kẽ, tại các vùng tiềm năng phát triển như: Tây nguyên, Đông nam bộ, duyên hải Nam trung bộ, Bắc trung bộ và Trung du miền núi phía bắc;

b) Nghiên cứu áp dụng giống mới và cải tạo đất trồng phù hợp nhằm nâng cao sản lượng sắn, đáp ứng đủ nguyên liệu cho sản xuất cồn nhiên liệu;

c) Giai đoạn đến 2020 nghiên cứu khảo sát tiềm năng nguồn nguyên liệu thế hệ 2. Phân loại, đánh giá đặc điểm và khả năng chế biến các loại nguyên liệu khác nhau thuộc thế hệ 2.

2. Phát triển công nghệ sản xuất

a) Áp dụng công nghệ tiên tiến để tăng hiệu suất chế biến, chất lượng sản phẩm, đảm bảo sử dụng hợp lý các dạng nguyên liệu khác nhau, xử lý triệt để chất thải;

b) Xây dựng các phòng thí nghiệm chuyên ngành, các trung tâm nghiên cứu về nhiên liệu sinh học trong đó có cồn nhiên liệu; nghiên cứu và đưa vào sử dụng các phụ gia và hóa phẩm tăng hiệu quả lên men, nhằm nâng cao hiệu quả

sản xuất còn nhiên liệu; phát triển công nghệ xử lý tái chế tối đa chất thải sản xuất thành sản phẩm hữu ích như phân vi sinh, thức ăn chăn nuôi, khí gas, CO₂; tối ưu hóa chi phí vận hành để nâng cao hiệu quả kinh tế của các dự án sản xuất;

c) Giai đoạn 2015-2020 nghiên cứu và đưa vào ứng dụng công nghệ sản xuất còn nhiên liệu từ nguyên liệu thể hệ thứ 2 ở quy mô công suất thử nghiệm, tiến tới sản xuất quy mô công nghiệp trong giai đoạn sau 2020.

3. Đầu tư các dự án sản xuất

a) Tập trung đầu tư các nhà máy có công suất từ 100 triệu lít/năm đến 150 triệu lít/năm; phân bổ đầu tư các dự án sản xuất theo khu vực, gần nguồn nguyên liệu sẵn, thuận tiện về giao thông và gần thị trường tiêu thụ chủ yếu;

b) Tiến hành đầu tư nâng cấp công nghệ và mở rộng năng lực của một số nhà máy hiện có không đạt yêu cầu về hiệu quả kinh tế, tiêu chuẩn sản phẩm và môi trường;

c) Chuẩn bị kế hoạch đầu tư dự án sản xuất còn nhiên liệu từ nguồn nguyên liệu thể hệ thứ 2 vào giai đoạn sau năm 2020;

d) Đa dạng hoá hình thức đầu tư, phương thức huy động vốn, khuyến khích huy động nguồn vốn của các thành phần kinh tế trong nước; khuyến khích việc liên doanh liên kết với các doanh nghiệp nước ngoài trong việc đầu tư phát triển sản xuất còn nhiên liệu từ thể hệ thứ 2 và thứ 3.

4. Phát triển thị trường

a) Bước đầu hình thành và phát triển thị trường tiêu thụ nhiên liệu sinh học tại các thành phố công nghiệp lớn như Hải Phòng, Hà Nội, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh, Cần Thơ, Quảng Ngãi và một số thành phố khác có mức tiêu thụ xăng lớn và mức độ ô nhiễm môi trường do phát thải cao;

b) Từng bước mở rộng thị trường theo lộ trình trên phạm vi toàn quốc.

5. Phát triển nguồn nhân lực cho sản xuất

a) Xây dựng và phát triển nguồn nhân lực cho ngành sản xuất còn nhiên liệu. Đào tạo được đội ngũ chuyên gia có năng lực và phổ cập đào tạo lực lượng công nhân kỹ thuật làm chủ vận hành các dự án sản xuất còn nhiên liệu có công nghệ cao;

b) Chú trọng sử dụng các nguồn nhân lực có kinh nghiệm trong lĩnh vực tương tự như: hóa thực phẩm, sinh học, công nghệ lọc, hóa dầu.

IV. Giải pháp và chính sách thực hiện quy hoạch

1. Các giải pháp

1.1. Giải pháp phát triển nguồn nguyên liệu

a) Xây dựng và ban hành quy hoạch phát triển vùng nguyên liệu sẵn cho sản xuất còn nhiên liệu nhằm đảm bảo nguồn nguyên liệu ổn định và lâu dài;

b) Các doanh nghiệp sản xuất còn nhiên liệu chủ động xây dựng kế hoạch

phát triển vùng nguyên liệu cho nhà máy của mình ngay từ giai đoạn lập dự án đầu tư nhằm đảm bảo ổn định nguyên liệu đầu vào cho sản xuất;

c) Sau năm 2020: Xây dựng kế hoạch cụ thể cho việc thu gom nguyên liệu thể hệ 2 nhằm cung cấp nguyên liệu cho các dự án sản xuất cồn nhiên liệu từ xenlulô.

1.2. Giải pháp phát triển thị trường

a) Triển khai thực hiện lộ trình phối trộn nhiên liệu sinh học theo quyết định số 53/2012/QĐ-TTg ngày 22 tháng 11 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành lộ trình áp dụng tỷ lệ phối trộn nhiên liệu sinh học với nhiên liệu truyền thống;

b) Xây dựng hệ thống đồng bộ từ khâu tồn trữ, vận chuyển, pha chế và phân phối nhiên liệu sinh học. Giai đoạn đầu, xây dựng cơ sở hạ tầng cho tiêu thụ xăng sinh học cho các thành phố công nghiệp lớn, tiến tới phát triển đồng bộ cho các địa phương trên toàn quốc;

c) Tổ chức các hoạt động tuyên truyền về lợi ích sử dụng xăng sinh học nhằm nâng cao ý thức, trách nhiệm đối với môi trường và lợi ích quốc gia.

1.3. Giải pháp về khoa học và công nghệ

b) Đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu tạo giống mới, giống cao sản và các giải pháp kỹ thuật phù hợp để tăng năng suất sản với mục tiêu tối thiểu 28 tấn/ha vào năm 2020, 30 tấn/ha vào năm 2025;

b) Áp dụng công nghệ hiện đại vào các dự án sản xuất cồn nhiên liệu, công nghệ khép kín không bã thải, hiệu suất cao, hạn chế sản phẩm phụ, xử lý triệt để chất thải gây ô nhiễm môi trường;

c) Xây dựng và triển khai thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ về cải tiến công nghệ sản xuất cồn nhiên liệu, nâng cao hiệu suất chuyển hóa, công nghệ sản xuất cồn nhiên liệu từ nguồn nguyên liệu thể hệ 2 và thể hệ 3;

d) Chú trọng đầu tư phát triển các phòng thí nghiệm có đủ năng lực để hỗ trợ cho nghiên cứu, phát triển sản xuất cồn nhiên liệu, phân tích và kiểm nghiệm chất lượng cồn nhiên liệu, nhiên liệu sinh học;

đ) Ưu tiên phát triển và khuyến khích thành lập các doanh nghiệp khoa học và công nghệ, phát triển vườn ươm công nghệ, đẩy mạnh chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực sản xuất cồn sinh học.

2. Các cơ chế chính sách

2.1. Chính sách về thu hút đầu tư

a) Thực hiện các chính sách ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp, về thuê đất, sử dụng đất cho các dự án sản xuất cồn nhiên liệu để thu hút đầu tư từ các doanh nghiệp trong nước và nước ngoài;

b) Khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư dự án sản xuất cồn nhiên liệu

từ thể hệ 2 và thể hệ 3.

2.2. Chính sách về quản lý nhà nước

a) Đẩy mạnh việc nghiên cứu, đề xuất, ban hành các cơ chế chính sách về phát triển sản xuất cồn nhiên liệu, đảm bảo sự đồng bộ phát triển của các lĩnh vực: phát triển nguồn nguyên liệu, sản xuất cồn, vận chuyển, tồn trữ và phân phối, tiêu thụ trên thị trường;

b) Thống nhất sự quản lý nhà nước đối với các doanh nghiệp tham gia vào phát triển ngành sản xuất và kinh doanh cồn nhiên liệu. Thực hiện đăng ký hoạt động trong lĩnh vực nhiên liệu sinh học một cách chặt chẽ với nhà nước đối với các doanh nghiệp.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương công bố Quy hoạch và chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện Quy hoạch.

2. Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Khoa học và Công nghệ, Tài Nguyên và Môi trường, Giáo dục và Đào tạo, Quốc phòng theo chức năng được phân công phối hợp với Bộ Công Thương cụ thể hóa các chính sách, giải pháp nêu trong Quyết định này.

3. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, trên cơ sở Quy hoạch được duyệt, có trách nhiệm phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi để các dự án sản xuất cồn nhiên liệu được thực hiện đồng bộ và phù hợp với Quy hoạch phát triển công nghiệp và quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

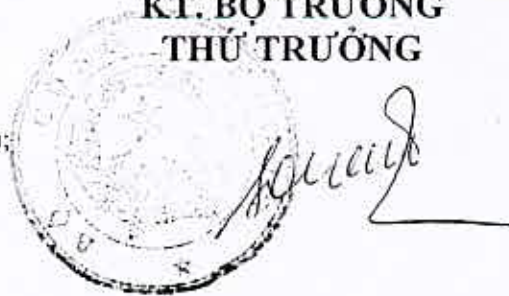
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Ban Kinh tế Trung ương;
- Các Bộ, Cơ quan ngang Bộ, Cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các Vụ, Cục, Viện thuộc Bộ Công Thương;
- Website Bộ Công Thương;
- Lưu: VT, KHCN.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Lê Dương Quang

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

SAO Y BẢN CHÍNH

Số: 811/SY-UBND

Bình Định, ngày 23 tháng 5 năm 2013

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Công Thương;
- CVP, PVPCN, K14;
- Lưu: VT (08b).

**TL. CHỦ TỊCH
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ VĂN PHÒNG**



Lê Nhuận

PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số **3 042** /QĐ-BCT ngày 13 tháng 3 năm 2013
của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

1. DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ DỰ KIẾN ĐẾN NĂM 2020, CÓ XÉT ĐẾN NĂM 2030

Stt	Tên nhà máy	Địa điểm	Công suất <i>Triệu lít/năm</i>	Nguyên liệu	Thời gian dự kiến
1	Nhà máy sản xuất cồn nhiên liệu	Miền Bắc (định hướng khu vực Bắc Trung bộ)	100	Nguyên liệu sẵn	2016-2020
2	Nhà máy sản xuất cồn nhiên liệu	Tây Nguyên hoặc Đông Nam Bộ	150	Nguyên liệu sẵn	2020-2025
3	Nhà máy sản xuất cồn nhiên liệu	Miền Nam (định hướng khu vực đồng bằng sông Cửu Long)	100	Nguyên liệu thể hệ hai hoặc thể hệ ba	2025-2030

2. NHU CẦU VỐN ĐẦU TƯ DỰ KIẾN THEO GIAI ĐOẠN

Đơn vị: tỷ đồng

Giai đoạn	Đến 2015	2016 - 2020	2021 – 2030
Nhà máy sản xuất cồn nhiên liệu từ sắn	-	2.160	-
Nhà máy sản xuất cồn nhiên liệu từ sắn	-	-	3.400
Nhà máy sản xuất cồn nhiên liệu từ xenlulo	-	-	5.600
Tổng nhu cầu vốn đầu tư	-	2.160	9.000